

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	14 - 51

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty Sông Đà - CTCP (sau đây gọi tắt là “Tổng công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Khái quát về Tổng công ty

Tổng công ty Sông Đà - CTCP được cổ phần hóa từ Tổng công ty Sông Đà (Tổng công ty Nhà nước được thành lập theo Quyết định 996/BXD-TCLĐ ngày 15 tháng 11 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng). Tổng công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 06 vào ngày 06 tháng 4 năm 2018 với mã số doanh nghiệp là 0100105870, vốn điều lệ là 4.495.371.120.000 VND, đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 22 tháng 7 năm 2020 thay đổi địa chỉ trụ sở chính.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : (024) 3 854 1164
- Fax : (024) 3 854 1161
- Email : banbientap@songda.vn
- Website : <http://www.songda.vn>
- Mã số thuế : 0 1 0 0 1 0 5 8 7 0

Hoạt động kinh doanh của Tổng công ty theo đăng ký là:

- Chế tạo và lắp đặt các thiết bị công nghiệp;
- Sản xuất vật liệu xây dựng; kinh doanh vật tư, thiết bị vật liệu xây dựng;
- Đầu tư phát triển và kinh doanh khu đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế;
- Đóng tàu và cầu kiện nổi;
- Tư vấn thiết kế và tổng thầu tư vấn thiết kế các dự án xây dựng;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Đại lý du lịch; điều hành tua du lịch;
- Khách sạn (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng karaoke, vũ trường);
- Dịch vụ nổ mìn; mua bán khoáng sản;
- Khai thác cát, đá, sỏi, đất sét; khai thác và chế biến khoáng sản;
- Tổng thầu xây lắp, tổng thầu EPC và thi công xây lắp các công trình giao thông, công nghiệp dân dụng, điện, thủy lợi, tổ hợp các công trình ngầm, thi công và xử lý nền móng công trình;
- Sản xuất điện; kinh doanh điện thương phẩm;
- Xây dựng nhà để ở; xây dựng nhà không để ở;
- Tổ chức nghiên cứu khoa học ứng dụng và chuyển giao công nghệ; đào tạo phát triển nguồn lực chuyên ngành về bất động sản và xây dựng;
- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên;
- Sửa chữa tàu thuyền;
- Xuất khẩu lao động (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép)/.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Tổng công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Hồ Văn Dũng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 04 năm 2018
Ông Trần Văn Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm tại ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 03 năm 2018
Ông Nguyễn Văn Tùng	Thành viên	Bổ nhiệm tại ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 03 năm 2018
Ông Phạm Văn Quân	Thành viên	Bổ nhiệm tại ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 03 năm 2018
Ông Đặng Quốc Bảo	Thành viên	Bổ nhiệm tại ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 03 năm 2018

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Văn Thắng	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 04 năm 2018
Bà Trần Thị Mỹ Hào	Thành viên	Bổ nhiệm tại ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 03 năm 2018
Ông Trần Thế Anh	Thành viên	Bổ nhiệm tại ĐHĐCĐ ngày 06 tháng 06 năm 2019

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Văn Tuấn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 04 năm 2018
Ông Phạm Đức Thành	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 07 năm 2018
Ông Nguyễn Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 07 năm 2018
Ông Nguyễn Văn Thự	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 09 năm 2019

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này là Ông Trần Văn Tuấn - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2018).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Tổng công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của Tổng công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tổng công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Trần Văn Tuấn

Ngày 28 tháng 8 năm 2021

Head Office	: 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970	kttv@a-c.com.vn
Branch in Hà Nội	: 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869	kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang	: Lot STH 06A/01, Lê Hồng Phong II Urban Area, Phước Hải Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806	kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Cần Thơ	: 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cái Răng Dist., Cần Thơ City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996	kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 2.0516/21/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Tổng công ty Sông Đà - CTCP (sau đây gọi tắt là "Tổng công ty"), được lập ngày 28 tháng 8 năm 2021, từ trang 07 đến trang 51, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng công ty Sông Đà - CTCP tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số I.5 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Tổng công ty chưa bao gồm các điều chỉnh liên quan đến việc quyết toán công tác cổ phần hóa do Tổng công ty chưa có Quyết định phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Hoàng Đức – Giám đốc chi nhánh

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0368-2018-008-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2021

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		6.351.333.466.542	6.822.724.244.608
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	105.355.073.775	100.119.976.513
1. Tiền	111		85.355.073.775	100.119.976.513
2. Các khoản tương đương tiền	112		20.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		118.092.431.661	115.317.637.140
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	21.381.661.250	21.381.661.250
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(1.064.024.110)	(1.064.024.110)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	97.774.794.521	95.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6.057.145.187.571	6.533.168.219.877
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	2.013.871.708.705	1.899.611.214.894
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	119.578.218.559	126.161.449.240
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	2.629.565.571.774	3.088.724.764.043
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	1.425.484.156.148	1.550.075.160.202
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(131.354.467.615)	(131.404.368.502)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		27.387.973	2.310.730.984
1. Hàng tồn kho	141	V.8	27.387.973	2.310.730.984
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		70.713.385.562	71.807.680.094
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	48.953.380.964	48.278.670.567
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		21.748.987.233	23.517.992.162
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	11.017.365	11.017.365
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		8.562.475.777.078	8.414.399.864.905
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		731.444.407.791	1.000.846.489.670
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	4.763.296.638	257.436.340.639
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	726.681.111.153	743.410.149.031
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		831.984.900.225	850.337.854.742
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	831.950.066.908	850.284.021.423
<i>Nguyên giá</i>	222		1.100.810.027.115	1.100.810.027.115
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(268.859.960.207)	(250.526.005.692)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	34.833.317	53.833.319
<i>Nguyên giá</i>	228		1.714.684.123	1.714.684.123
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.679.850.806)	(1.660.850.804)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		48.849.426.755	48.849.426.755
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	48.849.426.755	48.849.426.755
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		6.895.411.328.099	6.454.712.458.099
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2c	3.868.624.290.939	3.915.664.290.939
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2c	3.030.974.293.010	2.544.735.423.010
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	208.311.087.205	208.311.087.205
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2c	(212.498.343.055)	(213.998.343.055)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		54.785.714.208	59.653.635.639
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	54.785.714.208	59.653.635.639
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		14.913.809.243.620	15.237.124.109.513

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		10.330.182.615.768	10.660.283.120.855
I. Nợ ngắn hạn	310		6.337.576.961.044	6.758.179.935.263
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14a	3.042.836.675.916	3.344.443.943.679
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	37.914.210.062	37.944.371.235
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	11.657.932.104	696.794.837
4. Phải trả người lao động	314		2.858.820.739	6.051.098.476
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	526.600.880.281	564.451.597.275
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.18	8.852.113.895	9.138.077.363
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a	1.189.093.285.214	1.213.331.087.682
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	1.514.794.340.733	1.580.469.301.239
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	2.968.702.100	1.653.663.477
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		3.992.605.654.724	3.902.103.185.592
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.14b	550.361.354.742	408.137.888.346
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.18	146.371.796.702	148.289.331.156
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19b	70.397.284.403	69.519.820.517
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	3.225.475.218.877	3.276.156.145.573
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		4.583.626.627.853	4.576.840.988.658
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	4.583.626.627.853	4.576.840.988.658
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		4.495.371.120.000	4.495.371.120.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		4.495.371.120.000	4.495.371.120.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		14.743.759.363	14.743.759.363
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		73.511.748.490	66.726.109.295
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		60.750.659.562	66.726.109.295
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		12.761.088.928	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		14.913.809.243.620	15.237.124.109.513

Lập, ngày 28 tháng 8 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trịnh Thị Anh Đào

Vũ Đức Quang



Trần Văn Tuấn

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	267.719.591.098	172.792.132.787
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	989.166.098
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		267.719.591.098	171.802.966.689
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	215.638.480.782	161.064.186.975
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		52.081.110.316	10.738.779.714
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	91.348.413.051	195.332.678.072
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	90.928.221.048	151.360.764.239
Trong đó: chi phí lãi vay	23		92.052.536.567	124.982.490.370
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	21.190.453.511	20.590.660.527
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		31.310.848.809	34.120.033.020
12. Thu nhập khác	31	VI.6	1.358.277.184	1.821.181.223
13. Chi phí khác	32	VI.7	19.908.037.065	23.907.542.718
14. Lợi nhuận khác	40		(18.549.759.881)	(22.086.361.495)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		12.761.088.928	12.033.671.525
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>12.761.088.928</u>	<u>12.033.671.525</u>

Người lập biểu

Trịnh Thị Anh Đào

Kế toán trưởng

Vũ Đức Quang

Lập, ngày 28 tháng 8 năm 2021

Tổng Giám đốc



Trần Văn Tuấn

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		12.761.088.928	12.033.671.525
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10;11	18.352.954.517	18.568.348.748
- Các khoản dự phòng	03		(1.549.900.887)	18.147.576.611
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3,4	(17.257.681.253)	6.268.656.804
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(74.025.623.484)	(195.172.320.812)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	92.052.536.567	124.982.490.370
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	3.415.821.168
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		30.333.374.388	(11.755.755.586)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		178.851.307.194	3.125.231.207
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2.283.343.011	(10.230.000)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(171.226.427.868)	(4.593.787.604)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		4.193.211.034	2.034.708.119
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(109.928.510.607)	(70.238.828.334)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.21	(4.660.411.110)	(5.597.935.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(70.154.113.958)	(87.036.597.198)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	(3.077.444.773)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(30.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		58.146.712.221	2.581.028.313
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		104.377.653.859	136.099.832.092
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		132.524.366.080	135.603.415.632

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.20	39.656.484.828	118.979.624.760
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.20	(96.756.484.828)	(181.743.533.503)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(57.100.000.000)	(62.763.908.743)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		5.270.252.122	(14.197.090.309)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	100.119.976.513	57.903.441.882
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(35.154.860)	113.455
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	105.355.073.775	43.706.465.028

Người lập biểu

Trịnh Thị Anh Đào

Kế toán trưởng

Vũ Đức Quang

Lập, ngày 28 tháng 8 năm 2021

Tổng Giám đốc



Trần Văn Tuấn

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng công ty Sông Đà - CTCP (sau đây gọi tắt là "Tổng công ty") là Công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng công ty là xây lắp, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng công ty là: tổng thầu xây lắp (tổng thầu EPC) và thi công xây lắp các công trình giao thông, công nghiệp, dân dụng, điện, thủy lợi, tổ hợp các công trình ngầm; thi công và xử lý nền móng công trình; xây dựng nhà các loại; kinh doanh điện thương phẩm; sản xuất, kinh doanh vật tư thiết bị, vật liệu xây dựng; chế tạo và lắp đặt các thiết bị, máy móc công nghiệp; đầu tư phát triển và kinh doanh khu đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế; cho thuê văn phòng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng công ty không quá 12 tháng.

5. Các vấn đề có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 chưa bao gồm các điều chỉnh liên quan đến việc quyết toán công tác cổ phần hóa do Tổng công ty chưa có Quyết định phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần (ngày 06 tháng 4 năm 2018).

6. Cấu trúc Tổng công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	Tổ 4, đường Võ Nguyên Giáp, thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum, Việt Nam	Xây lắp	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	Tầng 3, nhà TM, khu đô thị Văn Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Xây lắp	65,00%	65,00%	65,00%
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	Tầng 5, nhà B, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Xây lắp	64,16%	64,16%	64,16%
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	Tầng 2, Nhà TM, khu đô thị Văn Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Xây lắp	65,00%	65,24%	65,00%
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Xây lắp	58,50%	58,50%	58,50%
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	Tầng 10- 11, nhà B, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Xây lắp	62,27%	62,27%	62,27%

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà	Phòng 501, tầng 5, số 121 Trần Đăng Ninh, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	Xây lắp	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Sê San 3A	Số 96, đường Phạm Văn Đồng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Sản xuất điện thương phẩm	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	Thị trấn Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La	Sản xuất điện thương phẩm	68,93%	68,93%	68,93%
Công ty Cổ phần Thủy điện Cản Đơn	Thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước	Sản xuất điện thương phẩm	50,96%	50,96%	50,96%
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	Nhà G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	Dịch vụ tư vấn	51,01%	51,01%	51,01%
Công ty TNHH Một thành viên Hạ tầng Sông Đà	Xóm 7, xã Cẩm Trung, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh	Thu phí đường bộ	100,00%	100,00%	100,00%

Các Công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	Km 10, đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	Xây lắp	40,77%	40,77%	40,77%
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	Số nhà 23, LK 11b, khu đô thị mới Mỗ Lao, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.	Xây lắp	49,00%	49,00%	49,00%
Công ty Cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà	Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Xây lắp	46,15%	46,15%	46,15%
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	Tầng 9, khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Sản xuất điện thương phẩm	35,11%	35,11%	35,11%
Công ty Cổ phần BOT Quốc lộ 2	Trạm thu phí số 2 Km26+200 Quốc lộ 2, xã Quất Lưu, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc	Thu phí đường bộ	28,65%	28,65%	28,65%
Công ty Cổ phần Phát triển nhà Khánh Hòa	Số 03 Nguyễn Thiện Thuật, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Thu phí đường bộ	36,00%	36,00%	36,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà	Số 19 phố Trúc Khê, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	Bất động sản	30,00%	30,00%	30,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	Tòa nhà Sudico, đường Mễ Trì, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Bất động sản	36,65%	36,65%	36,65%

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Sông Đà - Ucrin	Tầng 5 nhà G10, số 493 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân Nam, Hà Nội.	Dịch vụ tư vấn	50,00%	50,00%	50,00%
Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng Kratie	Thôn Phú Nguyên, xã Phú Riềng, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước	Sản xuất, xuất nhập khẩu cao su	25,00%	25,00%	25,00%

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Ban điều hành dự án Thủy điện Huội Quảng	Xã Chiềng Lao, huyện Mường La, tỉnh Sơn La
Văn phòng Đại diện Tổng công ty Sông Đà - Ban điều hành dự án Thủy điện Lai Châu	Bản Nậm Nhùn, thị trấn Nậm Nhùn, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu
Ban điều hành dự án Thủy điện Sơn La	Xã Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La
Ban điều hành dự án Thủy điện Xê ca mản 1	Khu vực Cửa khẩu Bờ Y, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum
Ban điều hành dự án Thủy điện Đồng Nai 5	Thôn 5, xã Đăk Sin, huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông
Ban điều hành dự án Thủy điện Bản Vẽ	Xã Yên Na, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An
Ban điều hành dự án Thủy điện Hòa Na	Xã Đồng Văn, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An
Ban điều hành dự án Thủy điện Xê ca mản 3	Thị trấn Thạnh Mỹ, huyện Giang Nam, tỉnh Quảng Nam
Ban điều hành gói thầu số 4	Xã Duy Sơn, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam
Ban quản lý dự án Thủy điện Sê Kông 3	Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tổng công ty có 126 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 129 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tổng công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của toàn Tổng công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty thực hiện thanh toán.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Bưu điện Liên Việt.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Tổng công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tương đương tiền. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh của Tổng công ty là các chứng khoán nhận được khi rút vốn đầu tư khỏi Quỹ đầu tư Việt Nam (Quỹ VIF). Số lượng chứng khoán được ghi nhận theo Biên bản hoàn trả tài sản ngày 13 tháng 5 năm 2016 giữa Công ty Liên doanh quản lý đầu tư BIDV Vietnam Partners và Tổng công ty Sông Đà. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị thị trường trên Báo cáo danh mục đầu tư tháng 3 năm 2016 của Công ty Liên doanh quản lý đầu tư BIDV Vietnam Partners (đối với các chứng khoán có giá giao dịch) hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm gần nhất với thời điểm ngày 13 tháng 5 năm 2016.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được ghi nhận được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được ghi nhận được hạch toán vào doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán: giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết và các doanh nghiệp Nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng (UPCOM): giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc kỳ kế toán do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.
- Trường hợp cổ phiếu đã niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc cổ phiếu của công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường Upcom không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng, cổ phiếu đã niêm yết bị hủy niêm yết, bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch: việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của công ty được đầu tư mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Tổng công ty so với tổng số vốn điều lệ thực góp.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tổng công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở dự thu.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giám trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và các đơn vị khác

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Tổng công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tổng công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tổng công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng, không ghi nhận giá trị.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Đánh giá lại

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ theo giá trị định giá lại tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014 cộng thêm phần cổ tức nhận được bằng cổ phiếu và cổ phiếu thường phát sinh sau thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014 đến thời điểm ngày 05 tháng 4 năm 2018 được ghi nhận theo giá trị thị trường tại ngày này.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đơn vị khác

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Tổng công ty tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Tổng công ty tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Tổng công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho là Nguyên vật liệu bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí tư vấn tái cơ cấu doanh nghiệp

Chi phí tái cơ cấu doanh nghiệp được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng trong thời gian vay là 32 năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Giá trị thương hiệu Sông Đà

Giá trị thương hiệu Sông Đà được ghi nhận theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 01 tháng 01 năm 2015 đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Giá trị thương hiệu Sông Đà được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm kể từ thời điểm Tổng công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Chi phí quản lý Ban điều hành

Chi phí quản lý Ban điều hành được kết chuyển vào kết quả kinh doanh trong kỳ không lớn hơn phần thu phí mà Ban điều hành được hưởng trong kỳ. Trường hợp chi phí quản lý Ban điều hành đã chi lớn hơn phần phụ phí Ban điều hành được hưởng trong kỳ thì phần chênh lệch được phản ánh như một khoản chi phí trả trước.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 – 47
Máy móc và thiết bị	05 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10
Tài sản cố định khác	03 – 25

Đối với các tài sản cố định hữu hình được mua sắm, xây dựng trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa (31/12/2014): Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế đến ngày 31/12/2014 được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo qui định. Thời gian khấu hao của các tài sản này là thời gian sử dụng còn lại ước tính.

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tổng công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tổng công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 20 năm.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 05 năm đến 10 năm.

Đối với các tài sản cố định vô hình được mua sắm trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa (31/12/2014): Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế đến ngày 31/12/2014 được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo qui định. Thời gian khấu hao của các tài sản này là thời gian sử dụng còn lại ước tính.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

12. Trái phiếu thường

Trái phiếu thường là trái phiếu không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh theo mệnh giá tại ngày phát hành.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng và ghi nhận vào chi phí tài chính.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Tổng công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tổng công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tổng công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

15. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy: Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Toàn bộ chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	1.070.967.936	749.036.869
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	84.284.105.839	99.370.939.644
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng)	20.000.000.000	-
Cộng	105.355.073.775	100.119.976.513

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tổng công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tổng công ty như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh gồm các cổ phiếu được nhận khi rút vốn khỏi Quỹ Đầu tư Việt Nam, được ghi nhận theo Biên bản hoàn trả tài sản ngày 13 tháng 5 năm 2016 giữa Công ty Liên doanh quản lý đầu tư BIDV VIETNAM PARTNERS với Tổng công ty Sông Đà, chi tiết như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Giấy Sài Gòn	1.600.500.000	1.600.500.000
Công ty Cổ phần Bưu chính Viễn thông Sài Gòn	1.577.041.250	1.577.041.250
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú	18.204.120.000	18.204.120.000
Cộng	21.381.661.250	21.381.661.250

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	1.064.024.110	877.943.083
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Số cuối kỳ	1.064.024.110	877.943.083

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng dưới 12 tháng.

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ	Dự phòng	Số đầu năm	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	3.868.624.290.939	(77.214.000.000)	3.915.664.290.939	(77.214.000.000)
Công ty Cổ phần Sông Đà 3 ⁽¹⁾	64.464.000.000	(64.464.000.000)	64.464.000.000	(64.464.000.000)
Công ty Cổ phần Sông Đà 4 ⁽¹⁾	72.975.500.000	-	72.975.500.000	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 5 ⁽¹⁾	196.843.824.000	-	196.843.824.000	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 6 ⁽¹⁾	339.023.100.000	-	339.023.100.000	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 9 ⁽¹⁾	305.867.224.224	-	305.867.224.224	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 10 ⁽¹⁾	417.736.289.900	-	417.736.289.900	-
Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà	12.750.000.000	(12.750.000.000)	12.750.000.000	(12.750.000.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Sê San 3A	228.073.875.831	-	228.073.875.831	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến ⁽¹⁾⁽²⁾	981.194.316.519	-	981.194.316.519	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn ⁽¹⁾	1.010.880.360.000	-	1.010.880.360.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà ⁽¹⁾	15.973.200.000	-	15.973.200.000	-
Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà	222.842.600.465	-	222.842.600.465	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 2 ⁽¹⁾	-	-	47.040.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	3.030.974.293.010	(130.356.251.832)	2.544.735.423.010	(131.856.251.832)
Công ty Cổ phần Sông Đà 2 ⁽¹⁾	47.040.000.000	-	-	-

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Dự phòng</u>
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	12.005.000.000	(12.005.000.000)	12.005.000.000	(12.005.000.000)
Công ty Cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà ⁽ⁱ⁾	23.838.175.200	(23.838.175.200)	23.838.175.200	(23.838.175.200)
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào ⁽ⁱ⁾	1.546.238.316.070	-	1.107.039.446.070	-
Công ty Cổ phần BOT Quốc lộ 2	128.215.909.014	(2.970.000.000)	128.215.909.014	(4.470.000.000)
Công ty Cổ phần Phát triển nhà Khánh Hòa	20.887.000.000	(943.076.632)	20.887.000.000	(943.076.632)
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà	84.000.000.000	-	84.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà ⁽ⁱ⁾	1.065.245.494.600	-	1.065.245.494.600	-
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	3.504.398.126	-	3.504.398.126	-
Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng Kratie ⁽ⁱⁱ⁾	100.000.000.000	(90.600.000.000)	100.000.000.000	(90.600.000.000)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	208.311.087.205	(4.928.091.223)	208.311.087.205	(4.928.091.223)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Vinaconex ⁽ⁱⁱⁱ⁾	55.396.800.278	-	55.396.800.278	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	51.820.100.000	-	51.820.100.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakdrinh ⁽ⁱⁱ⁾	13.082.914.986	-	13.082.914.986	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Sơn Trà	1.536.000.000	-	1.536.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Dung Quất	538.200.000	-	538.200.000	-
Công ty Cổ phần Sông Đà Đất Vàng	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà Sao	300.000.000	-	300.000.000	-
Công ty Cổ phần Sông Đà Nha Trang	5.930.749.831	-	5.930.749.831	-
Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Coeco	4.573.200.000	(423.244.509)	4.573.200.000	(423.244.509)
Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Sông Đà	25.724.000.000	(4.339.546.714)	25.724.000.000	(4.339.546.714)
Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà	165.300.000	(165.300.000)	165.300.000	(165.300.000)
Công ty Cổ phần Thủy điện Sứ Pán 2	35.258.322.110	-	35.258.322.110	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Hồ Bốn	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Hương Sơn ⁽ⁱⁱ⁾	6.875.500.000	-	6.875.500.000	-
Tập đoàn Hà Thành	110.000.000	-	110.000.000	-
Cộng	7.107.909.671.154	(212.498.343.055)	6.668.710.801.154	(213.998.343.055)

⁽ⁱ⁾ Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư đã được thế chấp để đảm bảo cho Trái phiếu Sông Đà và khoản vay tại các Ngân hàng là 5.171.520.277.156 VND.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

(ii) Trong đó, các khoản đầu tư từ vốn nhận ủy thác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	38.718.000.000	38.718.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Hương Sơn	6.875.500.000	6.875.500.000
Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng Kratie	9.400.000.000	9.400.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Vinaconex	1.005.720.000	1.005.720.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakdrinh	1.300.000.000	1.300.000.000
Cộng	57.299.220.000	57.299.220.000

Giá trị hợp lý

Tổng công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các qui định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà không có hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ, Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng Kratie đang ngừng hoạt động. Các công ty con và công ty liên doanh, liên kết khác hoạt động kinh doanh bình thường.

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	213.998.343.055	188.519.518.760
Trích lập dự phòng bổ sung	-	19.727.554.481
Hoàn nhập dự phòng	(1.500.000.000)	-
Số cuối kỳ	212.498.343.055	208.247.073.241

Giao dịch với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tổng công ty với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Công ty Cổ phần Sông Đà 3 (Sông Đà 3)		
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho Sông Đà 3	12.252.283.708	-
Chi phí công trình nhận từ Sông Đà 3	32.659.175.764	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 4 (Sông Đà 4)		
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho Sông Đà 4	75.111.049	-
Lãi vay ADB	-	942.511.227
Công ty Cổ phần Sông Đà 5 (Sông Đà 5)		
Cổ tức ghi nhận trong kỳ	-	11.677.176.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho Sông Đà 5	261.783.705	421.981.982
Giảm chi phí giá vốn công trình nhận từ Sông Đà 5	(3.270.774.540)	(1.424.034.587)
Công ty Cổ phần Sông Đà 6 (Sông Đà 6)		
Cổ tức ghi nhận trong kỳ	-	6.780.462.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho Sông Đà 6	7.094.068.295	121.023.570
Chi phí công trình nhận từ Sông Đà 6	19.550.775.551	2.308.757.463

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Công ty Cổ phần Sông Đà 9 (Sông Đà 9)		
Cổ tức ghi nhận trong kỳ	-	8.010.777.600
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho Sông Đà 9	971.951.406	583.282.700
Giảm chi phí giá vốn công trình nhận từ Sông Đà 9	(9.622.983.616)	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 10 (Sông Đà 10)		
Cổ tức ghi nhận trong kỳ	-	10.642.962.800
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho Sông Đà 10	(827.671.425)	485.054.590
Giảm chi phí giá vốn công trình nhận từ Sông Đà 10	(4.006.793.123)	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A		
Doanh thu bán điện	-	2.293.551
Doanh thu cho thuê văn phòng	-	58.967.444
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến (Nậm Chiến)		
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho Nậm Chiến	69.762.888	80.476.215
Công ty Cổ phần Thủy điện Cản Đơn (Cản Đơn)		
Giá vốn điện thương phẩm nhận từ Cản Đơn	99.010.101.970	99.533.560.789
Cổ tức ghi nhận trong kỳ	-	73.838.217.600
Lãi cho vay lại ADB	-	1.431.769.715
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà (Tư vấn Sông Đà)		
Cổ tức ghi nhận trong kỳ	-	665.280.720
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho Tư vấn Sông Đà	193.253.994	198.954.150
Công ty Cổ phần Sông Đà 2 (Sông Đà 2)		
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho Sông Đà 2	8.984.015	-
Chi phí công trình nhận từ Sông Đà 2	-	977.033.540
Công ty Cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà		
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho Cơ khí - Lắp máy Sông Đà	-	409.419.510
Lãi cho vay	117.294.836	148.396.511
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào (Điện Việt Lào)		
Lãi cho vay	36.853.621.512	37.761.915.047
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho Điện Việt Lào	-	200.423.426
Công ty Cổ phần Phát triển nhà Khánh Hòa		
Doanh thu phí bảo lãnh	-	7.385.556
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin		
Doanh thu cho thuê văn phòng	-	294.349.453
Doanh thu bán điện	-	14.454.989
Công ty TNHH MTV Sông Đà 2 E&C		
Nhận giá trị xây lắp	-	377.298.199

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**3. Phải thu khách hàng****3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	1.231.700.629.964	1.088.588.786.932
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	9.882.417	1.066.084.924
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	75.111.049	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	102.594.283	102.594.283
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	1.892.428.376	1.302.121.882
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	2.503.469.006	2.255.808.919
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	2.580.598.208	2.580.598.208
Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà	309.316.298	309.316.298
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	148.453.443.498	155.939.962.851
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	85.251.107	69.473.515
Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà	124.771.011	122.384.771
Công ty Cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà	481.438.926	481.438.926
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	19.002.468.644	1.120.036.661
Công ty Cổ phần Phát triển nhà Khánh Hòa	10.928.600	10.440.863
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	4.001.654.267	3.761.504.064
Công ty TNHH Điện Xekaman I	489.246.241.468	356.768.260.616
Công ty TNHH Điện Xekaman 3	562.821.032.806	562.698.760.151
Phải thu các khách hàng khác	782.171.078.741	811.022.427.962
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Nhà Quốc hội	37.296.961.773	37.296.961.773
Ban Quản lý Dự án thủy điện 4	60.998.470.051	60.998.470.051
Ban quản lý Dự án Thủy điện 1	133.854.050.600	36.710.178.637
Ban quản lý Dự án Nhà máy Thủy điện Sơn La	11.424.735.000	18.415.614.002
Ban quản lý Dự án Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 5 - Vinacomín	249.124.908.224	378.881.468.411
Ban quản lý Thủy điện 2-Tập đoàn điện lực Việt Nam	28.507.591.468	28.507.591.468
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đường cao tốc Việt Nam	28.487.861.313	28.487.861.334
Công ty Mua Bán Điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	22.663.130.862	10.818.141.737
Liên danh CMC/ITD/Sông Đà	104.770.432.307	105.181.834.528
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	35.344.788.087	46.367.015.302
Các khách hàng khác	69.698.149.056	59.357.290.719
Cộng	<u>2.013.871.708.705</u>	<u>1.899.611.214.894</u>

3b. Phải thu dài hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	-	151.631.727.493
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	-	19.002.468.644
Công ty TNHH Điện Xekaman 1	-	132.629.258.849
Phải thu các khách hàng khác	4.763.296.638	105.804.613.146
Ban quản lý Dự án Thủy điện 1	-	104.532.195.510
Ban quản lý Dự án Nhà máy Thủy điện Sơn La	4.763.296.638	1.272.417.636
Cộng	<u>4.763.296.638</u>	<u>257.436.340.639</u>

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	64.782.579.414	69.308.791.025
Công ty cổ phần Sông Đà 3	-	200.000.000
Công ty cổ phần Sông Đà 5	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	8.207.861.872	13.534.073.483
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	13.406.373.783	13.606.373.783
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	1.200.000.000	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	2.747.108.285	2.747.108.285
Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà	260.568.300	260.568.300
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	800.000.000	800.000.000
Công ty Cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà	33.160.667.174	33.160.667.174
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	54.795.639.145	56.852.658.215
Công ty Cổ phần Sông Đà Miền Trung	5.858.234.797	5.858.234.797
Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10	9.225.966.125	9.225.966.125
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Vận tải Thành Trang	13.702.950.000	13.702.950.000
Công ty Cổ phần SbTech	8.713.025.756	8.713.025.756
Các nhà cung cấp khác	17.295.462.467	19.352.481.537
Cộng	119.578.218.559	126.161.449.240

5. Phải thu về cho vay

5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	628.005.944.592	1.029.061.089.810
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	5.167.950.944	4.043.332.337
Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn	3.699.182.660	3.533.697.997
Công ty Cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà	2.027.453.211	2.027.453.211
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	617.111.357.777	1.019.456.606.265
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	2.001.559.627.182	2.059.663.674.233
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long - cho vay vốn lưu động	963.009.156.984	971.009.156.984
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long - cho vay lại	994.112.670.777	1.045.292.478.478
Tổng công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng	29.337.799.421	28.262.038.771
Công ty Cổ phần Thủy điện Sứ Pán 2	15.000.000.000	15.000.000.000
Viện Kinh tế Xây dựng	100.000.000	100.000.000
Cộng	2.629.565.571.774	3.088.724.764.043

5b. Phải thu về cho vay dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	151.920.447.232	155.421.122.033
Công ty Cổ phần Sông Đà 4 – cho vay lại	56.970.168.868	58.282.921.922
Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn – cho vay lại	94.950.278.364	97.138.200.111
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	574.760.663.921	587.989.026.998
Sở Xây dựng Sơn La	100.000.000	100.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long – cho vay lại	574.660.663.921	587.889.026.998
Cộng	726.681.111.153	743.410.149.031

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**6. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	524.276.862.202	587.917.771.151
<u>Phải thu về cổ tức lợi nhuận được chia</u>	<u>451.751.092.056</u>	<u>515.959.179.456</u>
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	3.528.000.000	4.080.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	4.080.000.000	23.432.500.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	23.432.500.000	63.284.312.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	63.284.312.000	48.064.665.600
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	48.064.665.600	20.285.925.600
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	15.964.444.200	735.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Điện Sê San 3A	735.000.000	106.680.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	82.620.000.000	129.632.867.500
Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn	129.632.867.500	35.161.056.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	-	1.330.830.720
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	665.280.720	3.528.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	78.046.612.000	78.046.612.000
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà – Ucrin	1.697.410.036	1.697.410.036
<u>Phải thu các khoản khác</u>	<u>72.525.770.146</u>	<u>71.958.591.695</u>
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	81.320.432	81.320.432
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	1.651.302.476	1.211.006.292
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	500.000.000	500.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	1.116.836.930	1.116.836.930
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	238.194.259	238.194.259
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	380.000.000	380.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn	185.470.490	246.453.580
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	69.000.000	-
Công ty Cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà	22.106.129.455	21.988.834.619
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	37.665.053.522	37.665.053.523
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	26.242.254	26.242.254
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	135.567.867	135.567.867
Công ty TNHH Điện Xekaman 1	942.053.461	942.053.461
Công ty TNHH Điện Xekaman 3	7.229.113.917	7.227.543.395
Công ty TNHH MTV Sông Đà 2 E&C	56.724.221	56.724.221
Chi nhánh Tây Nguyên - Công ty Cổ phần Sông Đà 10.1	137.334.225	137.334.225
Công ty TNHH Tư vấn Ucrin	5.426.637	5.426.637
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	901.207.293.946	962.157.389.051
Phải thu về cổ tức lợi nhuận được chia	29.231.130.000	29.231.130.000
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long - Lãi và phí cho vay lại	626.836.807.039	626.530.801.316
Tạm ứng	5.799.939.109	5.817.603.287
Phải thu về cổ phần hoá	5.881.915.738	5.871.915.738
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	945.482.409	5.018.807.546
Giá trị khối lượng giảm trừ khi quyết toán công trình	142.510.224.510	204.471.491.175
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	90.001.795.141	85.215.639.989
Cộng	<u>1.425.484.156.148</u>	<u>1.550.075.160.202</u>

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>Các bên liên quan</i>	45.343.816.262	(37.903.292.747)	44.986.371.223	(37.903.292.747)
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	37.665.053.523	(32.431.287.343)	37.665.053.523	(32.431.287.343)
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucerin	4.001.654.267	(2.604.727.115)	3.761.504.064	(2.604.727.115)
Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư xây dựng Sông Đà	309.316.298	(238.256.272)	309.316.298	(238.256.272)
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	2.256.710.665	(2.256.710.665)	2.256.710.665	(2.256.710.665)
Công ty Cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà	1.111.081.509	(372.311.352)	993.786.673	(372.311.352)
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>	111.324.325.948	(93.451.174.868)	108.659.269.179	(93.501.075.755)
Tổng công ty Cổ phần Sông Hồng	19.763.178.000	(19.763.178.000)	19.763.178.000	(19.763.178.000)
Công ty Cổ phần Sông Đà 1	18.894.343.754	(18.894.343.754)	18.894.343.754	(18.894.343.754)
Hiệp hội Đầu tư xây dựng Năng Lượng Việt Nam	3.122.520.000	(3.122.520.000)	3.122.520.000	(3.122.520.000)
Tổng Công ty Xây dựng và phát triển Hạ tầng	20.837.799.421	(15.860.533.101)	19.762.038.771	(15.860.533.101)
Công ty Cổ phần Thủy điện Sử Pán 2	25.734.691.680	(20.390.657.591)	25.169.066.680	(20.390.657.591)
Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10	9.225.966.125	(3.859.338.204)	9.225.966.125	(3.859.338.204)
Các đối tượng khác	13.745.826.968	(11.560.604.218)	12.722.155.849	(11.610.505.105)
Cộng	156.668.142.210	(131.354.467.615)	153.645.640.402	(131.404.368.502)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu, cho vay khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	131.404.368.502	107.772.158.425
Hoàn nhập dự phòng	(49.900.887)	(1.579.977.870)
Số cuối kỳ	131.354.467.615	106.192.180.555

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	27.387.973	-	10.365.592	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-	2.300.365.392	-
Cộng	27.387.973	-	2.310.730.984	-

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

9. Chi phí trả trước

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí tư vấn hợp đồng McKinsey ⁽ⁱ⁾	47.677.389.977	47.677.389.977
Chi phí thiết bị văn phòng	-	1.502.022
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.275.990.987	599.778.568
Cộng	<u>48.953.380.964</u>	<u>48.278.670.567</u>

- ⁽ⁱ⁾ Là chi phí tư vấn tái cấu trúc sử dụng vốn của Tập đoàn Sông Đà giai đoạn 2010 – 2012 chờ ý kiến của Bộ Xây dựng thực hiện văn bản chỉ đạo số 1478/TTg-ĐMDN ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Thủ tướng chính phủ về việc điều chỉnh phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà.

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí tư vấn tái cấu trúc	43.461.935.448	44.521.982.194
Chi phí công cụ dụng cụ	-	11.486.885
Thương hiệu Sông Đà ⁽ⁱⁱ⁾	-	1.184.985.596
Chi phí quản lý Ban điều hành	6.401.088.368	7.670.012.352
Chi phí sửa chữa tài sản	4.922.690.392	6.265.168.612
Cộng	<u>54.785.714.208</u>	<u>59.653.635.639</u>

- ⁽ⁱⁱ⁾ Giá trị thương hiệu Sông Đà được xác định trên cơ sở thống kê các chi phí thực tế cho việc tạo dựng và bảo vệ nhãn hiệu, tên thương mại trong quá trình hoạt động của Tổng công ty trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 5 năm (từ năm 2010 đến năm 2014). Giá trị thương hiệu Sông Đà được xác định khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trãi, quận Thanh Xuân Nam, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	682.981.810.198	88.310.489.012	46.467.065.441	11.969.999.110	271.080.663.354	1.100.810.027.115
Mua trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	682.981.810.198	88.310.489.012	46.467.065.441	11.969.999.110	271.080.663.354	1.100.810.027.115
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.605.218.900	1.546.482.988	13.818.758.921	2.171.212.578	2.171.248.828	21.312.922.215
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	89.764.244.990	47.452.282.177	27.041.905.210	10.975.258.273	75.292.315.042	250.526.005.692
Khấu hao trong kỳ	8.434.583.292	2.839.038.708	746.386.104	500.528.735	5.813.417.676	18.333.954.515
Số cuối kỳ	98.198.828.282	50.291.320.885	27.788.291.314	11.475.787.008	81.105.732.718	268.859.960.207

Giá trị còn lại

Số đầu năm	593.217.565.208	40.858.206.835	19.425.160.231	994.740.837	195.788.348.312	850.284.021.423
Số cuối kỳ	584.782.981.916	38.019.168.127	18.678.774.127	494.212.102	189.974.930.636	831.950.066.908

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng - - - - -
Đang chờ thanh lý - - - - -

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 828.954.073.438 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng Thương mại.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Tài sản cố định khác (website)	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	337.478.200	1.187.205.923	190.000.000	1.714.684.123
Mua trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	337.478.200	1.187.205.923	190.000.000	1.714.684.123
<i>Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	337.478.200	1.187.205.923	-	1.524.684.123
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	337.478.200	1.187.205.923	136.166.681	1.660.850.804
Khấu hao trong kỳ	-	-	19.000.002	19.000.002
Số cuối kỳ	337.478.200	1.187.205.923	155.166.683	1.679.850.806
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	-	-	53.833.319	53.833.319
Số cuối kỳ	-	-	34.833.317	34.833.317

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là chi phí đầu tư, xây dựng dự án Thủy điện Sekong 3.

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tổng công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với khoản lỗ tính thuế.

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ và chênh lệch tạm thời có thể được khấu trừ không bị giới hạn về thời gian. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

Chi tiết lỗ tính thuế chưa ghi nhận như sau:

Năm 2017	50.320.437.492
Năm 2018	393.804.910.804
Năm 2019	166.062.756.998
Năm 2020	160.006.372.210
Cộng	770.194.477.504

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

14. Phải trả người bán

14a. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	2.440.490.064.947	2.614.560.597.857
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	10.585.990.958	7.374.590.516
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	170.612.867.997	180.200.612.485
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	175.663.104.221	173.971.350.221
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	145.426.862.427	164.081.687.387
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	165.192.584.162	206.754.603.855
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	292.113.705.111	328.765.968.224
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	509.422.620.942	560.904.680.180
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	184.124.017	484.124.017
Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà	172.001.253	172.001.253
Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn	627.032.017.782	606.933.721.460
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	9.132.201.346	10.151.740.841
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà	116.712.200.566	137.098.119.879
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	67.070.600.000	67.070.600.000
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	4.704.958.686	4.704.958.686
Công ty TNHH MTV Sông Đà 2 E&C	1.127.653.180	9.699.131.134
Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco	1.254.400.146	1.254.400.146
Công ty TNHH Một thành viên Sông Đà 10.1	136.124.774.807	146.980.910.227
Công ty cổ phần Sông Đà 10.9	7.943.757.256	7.943.757.256
Công ty TNHH Điện Xekaman 3	13.640.090	13.640.090
Phải trả các nhà cung cấp khác	602.346.610.969	729.883.345.822
Công ty Cổ phần Lilama 10	39.084.438.390	74.581.442.186
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương Mại Sông Đà	47.299.896.528	49.120.624.007
Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	15.609.346.335	15.609.346.335
Công ty Cổ phần Sông Đà 5.05	77.256.405.265	78.594.880.627
Tổng công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam	10.838.325.974	11.038.325.974
Chi nhánh TCT Đông Bắc - Công ty Đầu tư Xây dựng và Thương mại	20.446.006.158	40.078.793.848
Công ty Cổ phần SDP	3.838.265.714	9.074.600.607
Công ty cổ phần Sông Đà 7	40.121.413.728	71.249.214.917
Công ty Cổ phần Licogi 12	13.780.422.045	30.499.926.508
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	87.069.247.919	91.230.233.155
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 - Thăng Long	56.263.414.807	67.205.116.399
Công ty Cổ phần Sông Đà Miền Trung	14.504.587.990	14.504.587.990
Các nhà cung cấp khác	176.234.840.116	177.096.253.269
Cộng	3.042.836.675.916	3.344.443.943.679

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**14b. Phải trả người bán dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	438.702.023.953	332.713.463.267
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	1.117.276.234	1.086.331.251
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	11.673.622.790	11.565.059.291
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	41.936.112.397	44.469.779.277
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	50.283.379.182	37.509.368.291
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	99.428.652.208	65.839.667.822
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	50.707.226.514	32.810.107.474
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	102.360.797.928	76.526.740.508
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	3.965.569.807	3.965.569.807
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	167.304.758	1.050.218.414
Công ty Cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà	45.892.241.397	28.706.322.084
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	1.622.909.017	1.863.279.076
Công ty Cổ phần Sông Đà 10.9	6.514.516.512	7.123.278.501
Công ty TNHH MTV Sông Đà 10.1	19.472.790.261	19.472.790.261
Công ty TNHH MTV Sông Đà 2 E&C	3.559.624.948	724.951.210
Phải trả các nhà cung cấp khác	111.659.330.789	75.424.425.079
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương Mại Sông Đà	9.960.600.966	9.836.335.606
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	47.045.055.007	21.539.104.116
Công ty Cổ phần SDP	6.240.737.901	2.110.449.851
Công ty Cổ phần SCI	7.464.585.145	8.896.709.509
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	5.392.293.286	1.231.308.050
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 - Thăng Long	8.221.887.194	8.221.887.194
Công ty TNHH MTV Xây dựng và Khai khoáng Việt Bắc	6.366.471.519	6.366.471.519
Các nhà cung cấp khác	20.967.699.771	17.222.159.234
Cộng	550.361.354.742	408.137.888.346

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước của các bên liên quan	30.209.026.717	30.209.026.717
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	60.000.000	60.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	580.083.678	580.083.678
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	200.000.000	200.000.000
Công ty TNHH Điện Xekaman 1	7.009.634.556	7.009.634.556
Công ty TNHH Điện Xekaman 3	22.359.308.483	22.359.308.483
Trả trước của các khách hàng khác	7.705.183.345	7.735.344.518
Các đối tượng khác	7.705.183.345	7.735.344.518
Cộng	37.914.210.062	37.944.371.235

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	169.505.452	-	4.201.406.092	(1.910.759.151)	2.460.152.393	-
Thuế thu nhập cá nhân	397.409.250	11.017.365	332.360.394	(392.692.420)	337.077.224	11.017.365
Thuế nhà đất	-	-	126.672.383	(126.672.383)	-	-
Tiền thuê đất	-	-	8.730.822.352	-	8.730.822.352	-
Các loại thuế khác	121.385.634	-	-	-	121.385.634	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	8.494.501	-	12.000.000	(12.000.000)	8.494.501	-
Cộng	696.794.837	11.017.365	13.403.261.221	(2.442.123.954)	11.657.932.104	11.017.365

Thuế giá trị gia tăng

Tổng công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hoạt động xây lắp, bán điện	10%
- Hoạt động dịch vụ	10%
- Hoạt động cho thuê văn phòng	10%
- Hoạt động cho thuê xe ô tô	10%
- Hoạt động bán thiết bị nhập khẩu trong nước chưa sản xuất	0%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tổng công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.761.088.928	12.033.671.525
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	19.943.191.925	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	19.943.191.925	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	32.704.280.853	12.033.671.525
Thu nhập được miễn thuế	-	(111.614.876.720)
Thu nhập tính thuế	32.704.280.853	(99.581.205.195)
Lỗ được chuyển	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tổng công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**Thuế nhà đất**

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tổng công ty kê khai và nộp theo quy định.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí ban điều hành	165.293.206	741.921.409
Chi phí lãi vay phải trả	238.383.906.715	240.164.380.712
Chi phí lãi trái phiếu	-	299.178.082
Chi phí công trình xây dựng	141.411.738.705	195.943.440.691
Chậm nộp Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	146.060.416.988	126.152.379.923
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	579.524.667	1.150.296.458
Cộng	526.600.880.281	564.451.597.275

18. Doanh thu chưa thực hiện

Là các khoản tiền cho thuê văn phòng khách hàng trả trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	8.852.113.895	9.138.077.363
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	146.371.796.702	148.289.331.156
Cộng	155.223.910.597	157.427.408.519
<i>Doanh thu chưa thực hiện của bên liên quan</i>		
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	25.965.212.149	26.305.367.767
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	31.136.281.737	31.544.180.625
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	22.457.744	16.277.978
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	15.298.988.181	15.499.411.607

19. Phải trả khác**19a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>223.449.077.924</i>	<i>224.462.277.924</i>
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	1.093.041.764	1.093.041.764
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	168.420.093	168.420.093
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	4.515.237.846	4.515.237.846
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	272.532.734	272.532.734
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	26.750.934.434	27.750.934.434
Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà	39.069.000	39.069.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	26.858.664	26.858.664
Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà	186.168.885.118	186.168.885.118
Công ty TNHH MTV Sông Đà 2 E&C	-	13.200.000
Công ty TNHH Điện Xekaman 3	4.414.098.271	4.414.098.271
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>965.644.207.290</i>	<i>988.868.809.758</i>
Kinh phí công đoàn	503.249.043	608.618.006
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	95.773.774	65.457.628

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	12.901.723.949	12.845.994.177
Các quỹ tự nguyện	20.297.776.921	20.524.831.544
Lãi vay và các khoản phải trả Bộ Tài chính	387.426.311.304	403.222.633.265
Phải trả về cổ phần hoá	901.280.000	901.280.000
Các khoản chờ quyết toán cổ phần hóa	473.711.066.726	473.711.066.726
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	69.807.025.573	76.988.928.412
Cộng	<u>1.189.093.285.214</u>	<u>1.213.331.087.682</u>

19b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	6.000.000.000	6.000.000.000
Nhận vốn từ Công ty Cổ phần Sông Đà 2 đầu tư ủy thác vào Công ty Cổ phần thủy điện Đăkrin	600.000.000	600.000.000
Nhận vốn từ Công ty Cổ phần Sông Đà 10 đầu tư ủy thác vào Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng Kratie	3.000.000.000	3.000.000.000
Nhận vốn từ Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà đầu tư ủy thác vào Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng Kratie	2.400.000.000	2.400.000.000
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	64.397.284.403	63.519.820.517
Phải trả người ủy thác đầu tư	51.299.220.000	51.299.220.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	13.098.064.403	12.220.600.517
Cộng	<u>70.397.284.403</u>	<u>69.519.820.517</u>

20. Vay và nợ thuê tài chính

20a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn phải trả bên liên quan	30.000.000.000	30.000.000.000
Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà	30.000.000.000	30.000.000.000
Vay ngắn hạn ngân hàng	7.955.643.000	65.055.643.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt nam	7.955.643.000	15.055.643.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	-	50.000.000.000
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	252.888.819	252.888.819
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	1.476.585.808.914	1.485.160.769.420
Ngân hàng NIB	632.910.364.355	658.715.673.898
Ngân hàng Phát triển Châu Á - vay thông thường	192.061.128.706	150.265.335.481
Ngân hàng Phát triển Châu Á - vay đặc biệt	8.365.690.861	6.704.309.237
Quỹ tích lũy nợ - Bộ Tài chính	643.248.624.992	669.475.450.804
Cộng	<u>1.514.794.340.733</u>	<u>1.580.469.301.239</u>

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Vay ngắn hạn bên liên quan	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay ngắn hạn các cá nhân	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	30.000.000.000	65.055.643.000	252.888.819	1.485.160.769.420	1.580.469.301.239
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	-	39.656.484.828	-	-	39.656.484.828
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-	-	-	43.930.994.389	43.930.994.389
Số tiền vay đã trả trong kỳ	-	(96.756.484.828)	-	-	(96.756.484.828)
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	-	-	(52.505.954.895)	(52.505.954.895)
Cộng	30.000.000.000	7.955.643.000	252.888.819	1.476.585.808.914	1.514.794.340.733

20b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	2.185.475.218.877	2.236.156.145.573
Ngân hàng Phát triển Châu Á - vay thông thường	2.117.177.186.369	2.165.964.618.092
Ngân hàng Phát triển Châu Á - vay đặc biệt	68.298.032.508	70.191.527.481
Trái phiếu thường dài hạn (*)	1.040.000.000.000	1.040.000.000.000
Mệnh giá trái phiếu	1.040.000.000.000	1.040.000.000.000
Cộng	3.225.475.218.877	3.276.156.145.573

(*) Là trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi, kỳ hạn là 3 năm, mục đích phát hành để tái cơ cấu các khoản nợ. Trái chủ là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây, Ngân hàng TMCP Tiên phong và Ngân hàng TMCP Bảo Việt. Lãi suất của Trái phiếu được xác định tại ngày làm việc thứ 07 trước ngày đầu tiên của mỗi kỳ tính lãi, bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND, trả sau, kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương) công bố bởi Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Chi nhánh Hà Nội), Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Chi nhánh Sở Giao dịch I), Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Sở Giao dịch) cộng biên độ 4%/năm. Tài sản đảm bảo là Cổ phiếu mà Tổng công ty Sông Đà nắm giữ bao gồm: SD2, SD3, SD4, SD5, SD6, SD9, SDT, SJD, SJS, SDC, VCP, MPC và MEC.

Tổng công ty đã có công văn gửi Ngân hàng đề nghị gia hạn thời gian thanh toán nợ gốc Trái phiếu Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Số cuối kỳ				
Vay dài hạn ngân hàng	3.018.812.402.799	833.337.183.922	446.463.461.253	1.739.011.757.624
Vay dài hạn các tổ chức khác	643.248.624.992	643.248.624.992	-	-
Trái phiếu thường	1.040.000.000.000	-	1.040.000.000.000	-
Cộng	4.702.061.027.791	1.476.585.808.914	1.486.463.461.253	1.739.011.757.624
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	3.051.841.464.189	815.685.318.616	417.781.918.194	1.818.374.227.379
Vay dài hạn các tổ chức khác	669.475.450.804	669.475.450.804	-	-
Trái phiếu thường	1.040.000.000.000	-	1.040.000.000.000	-
Cộng	4.761.316.914.993	1.485.160.769.420	1.457.781.918.194	1.818.374.227.379

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Vay dài hạn ngân hàng	Trái phiếu thường	Cộng
Số đầu năm	2.236.156.145.573	1.040.000.000.000	3.276.156.145.573
Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	(44.817.687.425)	-	(43.930.994.389)
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	(6.749.932.307)	-	(6.749.932.307)
Số cuối kỳ	2.184.588.525.841	1.040.000.000.000	3.225.475.218.877

20c. Thông tin liên quan đến các khoản vay để cho Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long vay lại

	Tổng dư nợ vay	Cho Xi măng Hạ Long vay lại	Cho các Công ty con vay và sử dụng vào SXXD
Thời hạn dưới 1 năm	1.468.220.118.053	994.112.670.777	474.107.447.276
Vay Ngân hàng NIB	632.910.364.355	328.501.870.798	304.408.493.557
Vay ngân hàng ADB	192.061.128.706	22.362.174.987	169.698.953.719
Vay Bộ Tài chính	643.248.624.992	643.248.624.992	-
Thời hạn trên 1 năm	2.117.177.186.369	574.660.663.921	1.542.516.522.448
Vay Ngân hàng ADB	2.117.177.186.369	574.660.663.921	1.542.516.522.448
Cộng	3.585.397.304.422	1.568.773.334.698	2.016.623.969.724
Vay ngân hàng NIB	632.910.364.355	328.501.870.798	304.408.493.557
Vay Ngân hàng ADB	2.309.238.315.075	597.022.838.908	1.712.215.476.167
Vay Bộ Tài chính	643.248.624.992	643.248.624.992	-

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Quỹ khen thưởng	Quỹ phúc lợi	Cộng
Số đầu năm	510.841.613	1.142.821.864	1.653.663.477
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	4.182.814.813	1.792.634.920	5.975.449.733
Chi quỹ trong kỳ	(2.597.800.000)	(2.062.611.110)	(4.660.411.110)
Số cuối kỳ	2.095.856.426	872.845.674	2.968.702.100

22. Vốn chủ sở hữu**22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
6 tháng đầu năm trước				
Số dư đầu năm trước	4.495.371.120.000	6.712.622.856	49.765.312.886	4.551.849.055.742
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	12.033.671.525	12.033.671.525
Trích lập các quỹ	-	6.979.884.640	(14.297.722.140)	(7.317.837.500)
Số dư cuối kỳ trước	4.495.371.120.000	13.692.507.496	47.501.262.271	4.556.564.889.767
6 tháng đầu năm nay				
Số dư đầu năm nay	4.495.371.120.000	14.743.759.363	66.726.109.295	4.576.840.988.658
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	12.761.088.928	12.761.088.928
Trích lập các quỹ	-	-	(5.975.449.733)	(5.975.449.733)
Số dư cuối kỳ này	4.495.371.120.000	14.743.759.363	73.511.748.490	4.583.626.627.853

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

22b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn nhà nước	4.485.961.120.000	4.485.961.120.000
Vốn đối tượng khác	9.410.000.000	9.410.000.000
Cộng	4.495.371.120.000	4.495.371.120.000

22c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	449.537.112	449.537.112
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	449.537.112	449.537.112
- Cổ phiếu phổ thông	449.537.112	449.537.112
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	449.537.112	449.537.112
- Cổ phiếu phổ thông	449.537.112	449.537.112
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ

Ngoại tệ các loại

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	1.152.400,64	21.138,91
Euro (EUR)	0,01	0,01
Yên Nhật (¥)	6,00	6,00

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hợp đồng xây dựng	111.037.647.662	17.801.799.535
<i>Trong đó: Doanh thu phát sinh</i>	<i>111.104.984.636</i>	<i>17.801.799.535</i>
<i>Doanh thu bị cắt giảm do quyết toán công trình</i>	<i>(67.336.974)</i>	-
Doanh thu bán điện	99.010.101.970	99.533.560.789
Doanh thu cho thuê văn phòng	48.214.522.527	49.466.703.827
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	9.457.318.939	5.990.068.636
Cộng	267.719.591.098	172.792.132.787

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hoạt động xây lắp	77.593.135.531	19.050.731.239
Giá vốn kinh doanh điện	99.010.101.970	99.533.560.789
Giá vốn cho thuê văn phòng	30.153.452.327	34.328.530.537
Giá vốn dịch vụ khác	8.881.790.954	8.151.364.410
Cộng	215.638.480.782	161.064.186.975

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	65.108.314	100.721.677
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	3.481.460.020	5.490.000.000
Lãi tiền cho vay	70.544.163.464	78.067.444.092
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	111.614.876.720
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	59.635.583
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	17.257.681.253	-
Cộng	91.348.413.051	195.332.678.072

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	37.901.303.689	65.560.532.215
Chi phí lãi trái phiếu	54.151.232.878	56.006.136.987
Chi phí phát hành trái phiếu	-	3.415.821.168
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	23.980.748	6.364.353
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	6.268.656.804
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	(1.500.000.000)	19.727.554.481
Phí lưu ký chứng khoán	351.703.733	375.698.231
Cộng	90.928.221.048	151.360.764.239

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	9.337.527.323	10.921.047.189
Chi phí vật liệu quản lý	304.080.861	218.059.810
Chi phí đồ dùng văn phòng	116.127.385	385.432.231
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.906.887.419	2.119.300.562
Thuế, phí và lệ phí	1.263.291.967	1.322.903.469
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	(49.900.887)	(1.579.977.870)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.989.913.833	1.700.404.226
Chi phí bằng tiền khác	5.630.229.829	6.653.438.803
Cộng	20.498.157.730	21.740.608.420
Chi phí quản lý các năm trước chưa phân bổ (xem thuyết minh V.9b)	7.670.012.352	6.120.384.678
Trích trước chi phí quản lý năm trước (xem thuyết minh V.17)	741.921.409	-
Kết chuyển vào kết quả kinh doanh kỳ này	21.190.453.511	20.590.660.527
Trích trước chi phí quản lý năm sau (xem thuyết minh V.17)	165.293.206	-
Chi phí chờ kết chuyển sang năm sau (xem thuyết minh V.9b)	6.401.088.368	7.270.332.571

6. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Xử lý số dư đặt cọc chấm dứt hợp đồng thuê văn phòng	1.165.405.190	1.770.812.250
Các khoản khác	192.871.994	50.368.973
Cộng	1.358.277.184	1.821.181.223

7. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Dự kiến tiền nộp chậm Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	19.908.037.065	23.862.264.663
Chi phí khác	-	45.278.055
Cộng	19.908.037.065	23.907.542.718

8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Các giao dịch không bằng tiền

Trong kỳ Tổng công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi cho vay nhập gốc	37.929.382.162	37.380.102.045
Thu hồi tiền cho vay bằng bù trừ công nợ	1.720.784.643	1.581.028.313
Góp vốn bằng gốc cho vay	439.198.870.000	-

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tổng Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Tổng công ty không có công nợ và không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Kỳ này		<u>Tiền lương Thưởng Thù lao Cộng thu nhập</u>			
Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc					
Ông Hồ Văn Dũng	Chủ tịch	316.200.000	-	-	316.200.000
Ông Trần Văn Tuấn	Thành viên/ Tổng Giám đốc	276.000.000	-	-	276.000.000
Ông Nguyễn Văn Tùng	Thành viên	45.900.000	-	-	45.900.000
Ông Phạm Văn Quán	Thành viên	275.400.000	-	-	275.400.000
Ông Đặng Quốc Bảo	Thành viên	275.400.000	-	-	275.400.000
Ông Phạm Đức Thành	Phó Tổng Giám đốc	179.210.455	-	-	179.210.455
Ông Nguyễn Văn Thự	Phó Tổng Giám đốc	187.800.000	-	-	187.800.000
Ông Nguyễn Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc	192.000.000	-	-	192.000.000
Ban kiểm soát					
Ông Nguyễn Văn Thắng	Trưởng Ban	183.600.000	-	-	183.600.000
Ông Trần Thế Anh	Thành viên	-	-	-	-
Cộng		1.931.510.455	-	-	1.931.510.455

Kỳ trước

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Ông Hồ Văn Dũng	Chủ tịch	260.385.909	5.000.000	-	265.385.909
Ông Trần Văn Tuấn	Thành viên/ Tổng Giám đốc	212.645.455	5.000.000	42.000.000	259.645.455

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

		Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Ông Phạm Văn Quân	Thành viên	226.787.727	5.000.000	-	231.787.727
Ông Đặng Quốc Bảo	Thành viên	212.183.182	5.000.000	-	217.183.182
Ông Phạm Đức Thành	Phó Tổng Giám đốc	148.270.909	5.000.000	-	153.270.909
Ông Nguyễn Văn Thự	Phó Tổng Giám đốc	139.152.273	5.000.000	-	144.152.273
Ông Hoàng Ngọc Tú	Phó Tổng Giám đốc	67.041.818	-	-	67.041.818
Ông Nguyễn Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc	-	5.000.000	-	5.000.000
Ban kiểm soát					
Ông Nguyễn Văn Thắng	Trưởng Ban	156.060.000	5.000.000	-	161.060.000
Ông Trần Thế Anh	Thành viên	75.243.864	5.000.000	24.000.000	104.243.864
Cộng		1.497.771.137	45.000.000	66.000.000	1.608.771.137

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tổng Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	Công ty con
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	Công ty con
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	Công ty con
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	Công ty con
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	Công ty con
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	Công ty con
Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Sê San 3A	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy điện Cản Đơn	Công ty con
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	Công ty con
Công ty TNHH Một thành viên Hạ tầng Sông Đà	Công ty con
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần BOT Quốc lộ 2	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Phát triển nhà Khánh Hòa	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	Công ty liên kết
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng Kratie	Công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Tổng Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.6, V.13, V.14 và V.18.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực Xây lắp: Thực hiện thi công các công trình điện.
- Lĩnh vực Thủy điện: Sản xuất và bán điện thương phẩm
- Lĩnh vực khác: Cung cấp các dịch vụ cho thuê văn phòng, bán thiết bị và các dịch vụ khác.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng công ty như sau:

	Lĩnh vực Xây lắp	Lĩnh vực Thủy điện	Lĩnh vực khác	Cộng
Kỳ này				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	105.363.494.126	99.010.101.970	63.345.995.002	267.719.591.098
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	105.363.494.126	99.010.101.970	63.345.995.002	267.719.591.098
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	30.968.876.403	-	21.112.233.913	52.081.110.316
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(21.190.453.511)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				30.890.656.806
Doanh thu hoạt động tài chính				91.348.413.051
Chi phí tài chính				(90.928.221.048)
Thu nhập khác				1.358.277.184
Chi phí khác				(19.908.037.065)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				12.761.088.928
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	-	-
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.906.887.419	-	16.446.067.098	18.352.954.517
Kỳ trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	16.812.633.437	99.533.560.789	55.456.772.463	171.802.966.689
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.812.633.437	99.533.560.789	55.456.772.463	171.802.966.689
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(2.238.097.802)	-	12.976.877.516	10.738.779.714
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(20.590.660.527)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(9.851.880.813)

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Lĩnh vực Xây lắp	Lĩnh vực Thủy điện	Lĩnh vực khác	Cộng
Doanh thu hoạt động tài chính				195.332.678.072
Chi phí tài chính				(151.360.764.239)
Thu nhập khác				1.821.181.223
Chi phí khác				(23.907.542.718)
<i>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</i>				12.033.671.525
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>	-	-	3.552.953.773	3.552.953.773
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	2.122.281.650	-	16.446.067.098	18.568.348.748

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng công ty như sau:

	Lĩnh vực Xây lắp	Lĩnh vực Thủy điện	Lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	2.487.198.619.856	28.693.061.958	820.384.539.854	3.336.276.221.668
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				11.577.533.021.952
Tổng tài sản				14.913.809.243.620
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	8.153.915.036.748	627.032.017.782	238.543.762.970	9.019.490.817.500
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				1.310.691.798.268
Tổng nợ phải trả				10.330.182.615.768
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	3.701.675.107.600	63.915.101.048	953.640.510.854	4.719.230.719.502
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				10.517.893.390.011
Tổng tài sản				15.237.124.109.513
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	9.333.844.712.715	606.933.721.460	244.819.383.399	10.185.597.817.574
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				474.685.303.281
Tổng nợ phải trả				10.660.283.120.855

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Khu vực trong nước	238.868.785.041	166.490.842.253
Khu vực nước ngoài	28.850.806.057	5.312.124.436
Cộng	267.719.591.098	171.802.966.689

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Lập, ngày 28 tháng 8 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trịnh Thị Anh Đào

Vũ Đức Quang

Trần Văn Tuấn